

Bản án số: 12/2019/HSST

Ngày 14/6/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Hoàn
2. Bà Nguyễn Thị Hương

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nông Văn An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa: Ông Đàm Hải Thao - Kiểm sát viên.

Ngày 14/6/2019 Tòa án nhân dân huyện Thạch An xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 11/2019/HSST ngày 17/5/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXXST ngày 31/5/2019 đối với bị cáo:

Mông Văn T, sinh ngày 02 tháng 9 năm 1991.

Nơi ĐKKHKT: Pác P, xã C, huyện T, tỉnh C;

Chỗ ở hiện nay: Pác P, xã C, huyện T, tỉnh C;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông: Mông Thế L, sinh năm 1964; Con bà: Lục Thị T, sinh năm 1965; Anh chị em ruột: Có 03 chị em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; Vợ: Triệu Thị Hồng M, sinh năm 1997 con: Mông Anh N, sinh năm 2018.

Tiền án, tiền sự: Không có;

Hiện nay bị cáo đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt tại phiên tòa.

- Những người bị hại:

1. Lục Văn T
2. Lục Thị T

Cùng địa chỉ: Pác P, xã C, huyện T, tỉnh C - Có mặt.

3. Mông Thị L, địa chỉ: Đồng T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh T - Vắng mặt tại phiên tòa đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người làm chứng:

- Nguyễn Đình L, địa chỉ: Tổ 6, Phường T, Thành phố C, tỉnh C - Vắng mặt;
- Đàm Văn Đ, địa chỉ: Nhà R, xã B, huyện H, tỉnh C - Có mặt;
- Lục Thị T, địa chỉ: Đông M, xã C, huyện T, tỉnh C - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 5 giờ 30 phút ngày 03/12/2018 Mông Văn T đi bộ từ nhà tại Pác P, xã C ra Đông M xã C, huyện T để đi nhờ xe ra thành phố C, khi đi đến nhà anh Lục Văn T trú tại Đông M, xã C, T thấy cửa nhà anh T khép hờ nên T đã đẩy cửa vào nhà, tại đây T châm thuốc lá để hút sau đó đi ra ngoài (phía trước cửa nhà) anh T rồi tiếp tục đi vào nhà anh T, T đi tiếp vào trong phòng ngủ thấy anh T đang ngủ say, phía trên gối cạnh đầu giường có 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPOA39, T cầm lấy chiếc điện thoại cho vào túi áo khoác đang mặc rồi đi bộ về phía Ủy ban nhân dân xã C, khoảng 20 phút sau T đi nhờ xe mô tô anh Lục Văn Đ đến cửa hàng điện thoại di động Hoàng N tại Phường T, thành phố C bán điện thoại nhưng do cửa hàng chưa mở cửa nên T quay về nhà. Đến ngày 04/12/2018 T mượn xe máy của anh Hoàng Đức D, trú tại Đông M, xã C đi đến cửa hàng điện thoại di động Hoàng N và bán chiếc điện thoại di động OPPOA39 trộm được của anh T với giá 1.300.000,đ, (Một triệu ba trăm nghìn đồng) T đã mua ma túy hết 700.000,đ (Bảy trăm nghìn đồng), còn lại 600.000,đ (Sáu trăm nghìn đồng), ngày 05/12/2018 Công an huyện T triệu tập T đến Ủy ban nhân dân xã C để làm việc T đã nộp cho cơ quan Công An, đồng thời cùng ngày T đã đến cửa hàng điện thoại di động Hoàng N chuộc lại điện thoại OPPOA39 nộp cho cơ quan Công an huyện T.

Ngày 12/12/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công An huyện T đã ra Quyết định trưng cầu định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T để định giá đối với chiếc điện thoại OPPOA39. Tại kết luận định giá tài sản số: 04/KL- ĐGTS, ngày 16/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện T kết luận: Chiếc điện thoại OPPOA39 giá trị còn lại là 3.432.000,đ (Ba triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn đồng).

Trong quá trình mở rộng điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công An huyện T nhận được đơn trình báo của bà Lục Thị T (mẹ đẻ T) về việc trong khoảng thời gian từ năm 2017 đến năm 2018 Mông Văn T còn lấy trộm một số tài sản của gia đình đem đi bán gồm: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE RSX, BKS 11Z2 - 1169 mua ngày 17/3/2009, 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA AIRBLADE, 01 máy cắt gỗ, 01 máy bơm nước, 06 bao thóc của gia đình. Ngày 20/3/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T ban hành Quyết định trưng cầu định giá tài sản số: 10 yêu cầu Hội đồng định giá tài sản đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE RSX, BKS 11Z2 - 1169 mua ngày 17/3/2009, 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA AIRBLADE. Tại kết luận định giá tài sản số: 09/KL- ĐGTS, ngày 03/04/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Thạch An kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE RSX, BKS 11Z2 - 1169 giá trị còn lại là 2.200.000,đ (Hai triệu hai trăm nghìn đồng). Chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA AIRBLADE giá trị còn lại là 4.560.000,đ (Bốn triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng). Còn các tài sản khác bà Lục Thị T tố cáo Mông Văn T trộm đem đi bán gồm: 01 máy cắt gỗ, 01 máy bơm nước, 06 bao thóc

do sự việc đã lâu, không nhớ thời gian, người mua và số lượng cụ thể nên không đủ cơ sở để tiến hành định giá tài sản. Ngày 18/4/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã tiến hành thực nghiệm hiện trường cho Mông Văn T thực hiện lại hành vi trộm cắp tài sản, kết quả: Hành vi thực hiện trong quá trình thực nghiệm phù hợp với lời khai trước đó của T và các tài liệu do cơ quan Điều tra đã thu thập.

Tất cả các lần trộm cắp tài sản của gia đình T đem đi bán lấy tiền mua ma túy về sử dụng và chi tiêu cho bản thân hết. Đối với chiếc Điện thoại mà T trộm cắp của anh T, T đem đi bán được 1.300.000,đ, T sử dụng 700.000,đ mua ma túy về sử dụng, số tiền còn lại 600.000,đ khi Cơ quan Công an triệu tập đến Ủy ban nhân dân xã C để làm việc T đã nộp cho cơ quan Công an, đồng thời cùng ngày T đã đến cửa hàng điện thoại di động Hoàng N chuộc lại chiếc điện thoại đem nộp cho Cơ quan Công an huyện.

Trong quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công An huyện T, tỉnh C đã tiến hành điều tra xác minh, lấy lời khai của các bị hại, xác định đặc điểm, số lượng tài sản bị mất trộm đúng như Mông Văn T khai nhận. Đối với các tài sản gồm 02 (hai) xe mô tô cùng 06 bao thóc do T trộm đi bán đã lâu nên không thu giữ được do chủ cửa hàng cầm đồ Chiến L là bà Nông Thị B khẳng định năm 2017 – 2018 không mua bán hay cầm đồ 02 (hai) xe máy trên vì trong sổ sách theo dõi và giấy tờ mua bán không có thông tin hai chiếc xe trên và chủ thu mua nông sản (thóc lúa) là bà Nông Thị B không nhớ có được mua với T hay không vì hàng ngày thu mua thóc lúa với nhiều người và cũng không xác định được đã bán tài sản cho ai.

01 (một) đầu nghiên ngô bị hỏng T bán cho vợ chồng thu mua sắt vụn T không biết tên, địa chỉ cụ thể nên Cơ quan điều tra không thể tiến hành xác minh thu lại tài sản để trả lại cho bị hại và xử lý theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra còn một số tài sản khác như máy cưa gỗ, máy bơm nước gia đình T khai báo là do T Trộm nhưng xét thấy không đủ căn cứ để xác định là do Mông Văn T lấy trộm.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa Mông Văn T đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác mà cơ quan điều tra đã thu thập được.

Về bồi thường khắc phục hậu quả cho các bị hại đến nay bị cáo T chưa bồi thường được gì.

Tại phiên tòa bị hại Lục Thị T, Lục Văn T khai bị mất trộm tài sản đúng như các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Mông Thị L đã có đơn xin xét xử vắng mặt và chị L có ý kiến không yêu cầu bị cáo bồi thường, bà Lục Thị T và anh Lục Văn T không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Bị hại Lục Văn T yêu cầu được trả lại chiếc điện thoại mà T đã trộm.

Vật chứng của vụ án gồm:

01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO A39 màu hồng, đã qua sử dụng, mặt sau có tem của Nhà máy SAMSUNG (SEVT).

- 01 (một) giấy mua bán điện thoại ngày 04/12/2018 của cửa hàng điện thoại di động Hoàng Năng.

- Số tiền 600.000,đ (Sáu trăm nghìn đồng) tiền Polyme, gồm 03 tờ mệnh giá 200.000,đ (hai trăm nghìn đồng chẵn), có số Seri lần lượt: VG 16244910, TA 10445931, TL 09607787.

Khi xem xét vật chứng tại phiên tòa đối với chiếc điện thoại di động hiệu OPPO A39 màu hồng, đã qua sử dụng, mặt sau có tem của Nhà máy SAMSUNG (SEVT) và 01 (một) giấy mua bán điện thoại ngày 04/12/2018 của cửa hàng điện thoại di động Hoàng N. Anh T xác định đúng là chiếc điện thoại của anh và có yêu cầu được trả lại chiếc điện thoại trên, bị cáo T xác định giấy tờ mua bán điện thoại ngày 04/12/2018 của cửa hàng điện thoại di động Hoàng N đúng là bị cáo đã khai họ, tên cùng địa chỉ sai với thực tế để tránh sự phát hiện của cơ quan chức năng.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Mông Văn T về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự như Cáo trạng số 12/CT-VKS -TA ngày 14/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, Điều 173; Điểm s, khoản 1 Điều 51; Điểm g, khoản 1, Điều 52, Điều 47, Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Xử phạt bị cáo Mông Văn T từ 18 tháng đến 24 tháng tù.

Xử lý vật chứng:

Trả cho anh Lục Văn T chiếc điện thoại di động hiệu OPPO A39 màu hồng, đã qua sử dụng.

01 (một) giấy mua bán điện thoại ngày 04/12/2018 của cửa hàng điện thoại di động Hoàng N đây là tài liệu gốc liên quan đến việc phạm tội của bị cáo cần được giữ lại để lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

Đối với số tiền 600.000,đ (Sáu trăm nghìn đồng) tiền Polyme, gồm 03 tờ mệnh giá 200.000,đ (hai trăm nghìn đồng chẵn), có số Seri lần lượt: VG 16244910, TA 10445931, TL 09607787 là do phạm tội mà có nên cần được tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Về bồi thường dân sự bị hại Mông Thị L, Lục Thị T, Lục Văn T không yêu cầu bị cáo bồi thường là phù hợp quy định pháp luật.

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố

tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, kết luận định giá tài sản và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận: Trong khoảng thời gian từ năm 2017 đến tháng 12 năm 2018 Mông Văn T trộm 01 (một) chiếc xe Mô tô nhãn hiệu HONDA WaWWe RSX, BKS 11Z2 - 1169 của gia đình bà Lục Thị T (mẹ của T) mua nhưng giấy tờ xe mang tên Mông Thị L, 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA AIRBLADE do chị L mua khi chị L chuyển từ xã C về sinh sống tại Đồng T, Đông H, Đông H, tỉnh T đã để lại xe cho gia đình sử dụng và ngày 03/12/2018 Mông Văn T lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là Điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO A39 của anh Lục Văn T.

Tại kết luận định giá tài sản số: 04/KL- ĐGTS, ngày 16/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện T kết luận: Chiếc điện thoại OPPOA39 giá trị còn lại là 3.432.000,đ (Ba triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn đồng).

Tại kết luận định giá tài sản số: 09/KL- ĐGTS, ngày 03/04/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện T kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE RSX, BKS 11Z2 - 1169 giá trị còn lại là 2.200.000,đ (Hai triệu hai trăm nghìn đồng). Chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA AIRBLADE giá trị còn lại là 4.560.000,đ (Bốn triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng).

Tổng giá trị tài sản do Mông Văn T trộm cắp là: 10.192.000,đ (Mười triệu một trăm chín mươi hai nghìn đồng)

Do vậy hành vi của bị cáo Mông Văn T có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 - Bộ luật hình sự. Cáo trạng số: 12/CT-VKS - TA ngày 14/5/2019 của VKSND huyện T, tỉnh C truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” và bản luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Mông Văn T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng do lười lao động, không chịu làm ăn chân chính nên đã lợi dụng sơ hở mất cảnh giác của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản để lén lút chiếm đoạt tài sản. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu của công dân được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân, bị cáo có nhân thân xấu là người sử dụng ma túy. Vì vậy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 - Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đó là người phạm tội từ hai lần trở lên được quy định tại điểm g, khoản 1, Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Về tiền án, tiền sự: Không có.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Đối với bị hại Mông Thị L vắng mặt tại phiên tòa đã có đơn xin xét xử vắng mặt và có ý kiến không yêu cầu bị cáo T bồi thường về tài sản (Xe mô tô), tại phiên tòa bà Lục Thị T không yêu cầu bị cáo bồi thường gì về tài sản, Anh T có yêu cầu được trả lại chiếc điện thoại OPPO A39, ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Đối với 02 (hai) chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAWE RSX, BKS 11Z2 - 1169 và chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA AIRBLADE T khai đã bán tại cửa hàng cầm đồ Chiến L, chủ cửa hàng cầm đồ là bà Nông Thị B khẳng định năm 2017 và 2018 không mua bán hay cầm đồ 02 (hai) chiếc xe trên vì trong sổ sách theo dõi và giấy tờ mua bán không có thông tin xe mô tô trên và đối với 06 bao thóc do T khai đã bán cho cửa hàng thu mua Nông sản (thóc lúa) chủ cửa hàng là bà Nông Thị B cũng không thể xác định được T là người đã bán thóc cho bà vì khi thu mua thóc bà không hỏi tên hay địa chỉ mà có người đem ra bán thì mua không có giấy tờ gì. Nên Cơ quan điều tra không thể tiến hành xác minh thu lại tài sản cho gia đình bị hại và xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với người thu mua phế liệu đã mua với T 01 đầu nghiên ngô bị hỏng, do không biết tên tuổi địa chỉ nên Cơ quan điều tra không thể tiến hành xác minh thu để trả lại cho bị hại và xử lý theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra còn các tài sản khác như Máy cưa gỗ, máy bơm nước gia đình T khai báo là do T lấy trộm nhưng Cơ quan Điều tra không đủ căn cứ xác định do T trộm.

Do vậy Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

Đối với các bị hại Mông Thị L, Lục Thị T có yêu cầu Hội đồng xét xử, xử lý hình sự đối với bị cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị hại Lục Văn T yêu cầu được trả lại chiếc điện thoại mà T lấy trộm đã nộp cho cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện là phù hợp.

[4] Kiểm sát viên đề xuất áp dụng các điều luật, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mức hình phạt đối với bị cáo và xử lý vật chứng là có căn cứ pháp luật.

[5] Phần tranh luận: Bị cáo, người bị hại không tranh luận và không có ý kiến gì thêm.

[6] Phần nói lời sau cùng: Bị cáo không có ý kiến gì.

[7] Về bồi thường dân sự: Bị hại Mông Thị L và Lục Thị T không yêu cầu bị cáo bồi thường. Nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[8] Về vật chứng của vụ án:

01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO A39 màu hồng, đã qua sử dụng, mặt sau có tem của Nhà máy SAMSUNG (SEVT) là chiếc điện thoại di động mà bị cáo đã trộm của

anh Lục Văn T nên cần trả lại cho bị hại.

- 01 (một) giấy mua bán điện thoại ngày 04/12/2018 của cửa hàng điện thoại di động Hoàng N. Đây là tài liệu gốc liên quan đến việc phạm tội của bị cáo T nên cần được lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

- Số tiền 600.000,đ (Sáu trăm nghìn đồng) tiền Polyme, gồm 03 tờ mệnh giá 200.000,đ (hai trăm nghìn đồng chẵn), có số Seri lần lượt: VG 16244910, TA 10445931, TL 09607787. Số tiền này do phạm tội mà có nên cần được tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1, Điều 173; Điều 51, Khoản 1, Điều 52 của Bộ luật hình sự 2015; Căn cứ Điều 292 và Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Tuyên bố: Bị cáo Mông Văn T - Phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Mông Văn T - 02 (Hai) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 14/6/2019

2. Về bồi thường dân sự: Không có

3. Về xử lý vật chứng:

Tuyên:

Trả cho bị hại Lục Văn T 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO A39 màu hồng, đã qua sử dụng, mặt sau có tem của Nhà máy SAMSUNG (SEVT).

01 (một) giấy mua bán điện thoại ngày 04/12/2018 của cửa hàng điện thoại di động Hoàng N đây là tài liệu gốc liên quan đến việc phạm tội của bị cáo T nên cần giữ lại lưu hồ sơ vụ án.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: Số tiền 600.000,đ (Sáu trăm nghìn đồng) tiền Polyme, gồm 03 tờ mệnh giá 200.000,đ (hai trăm nghìn đồng chẵn), có số Seri lần lượt: VG 16244910, TA 10445931, TL 09607787.

Toàn bộ tài sản, vật chứng trên được lưu giữ tại kho vật chứng Chi cục thi hành án dân sự huyện T thể hiện tại biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 16/5/2019 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T và Chi cục thi hành án dân sự huyện T và sẽ được đưa ra thi hành khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Điều 21; Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Mông Văn T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung công quỹ nhà nước.

Án xử sơ thẩm công khai sơ thẩm bị cáo, người bị hại có mặt, có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

(Đã ký)

Ngô Văn Hoàn
Nguyễn Thị Hương

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hương